

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-PT  
Ngày 28-8-2020

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con,  
chia tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Vân Thúy

*Các Thẩm phán:* Bà Phạm Thị Thanh Bình;  
Bà Vũ Thị Thu Hà

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Bích Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 24/2020/TLPT-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con chia tài sản khi ly hôn.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 25/2020/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 162/2020/QĐ-PT ngày 08 tháng 8 năm 2020 và Thông báo thay đổi lịch phiên tòa số 2098/2020/QĐ-PT ngày 14 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Văn V; nơi cư trú: Xóm 6, thôn Cung Ch, xã Trung L, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Ngô Thị D; ĐKKHKT: Xóm 6, thôn Cung Ch, xã Trung L, huyện Vĩnh B, thành phố Hải Phòng; hiện trú tại: Thôn 8, xã Trung L, huyện Vĩnh B, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Lê Văn C; trú tại: Xóm 6, thôn Cung Ch, xã Trung L, huyện Vĩnh B, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Bà Lê Thị D; trú tại: Xóm 6, thôn Cung Ch, xã Trung L, huyện Vĩnh B, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

*Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Lê Văn V; nơi cư trú: Xóm 6, thôn Cung Chúc, xã Trung Lập, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng – Là người đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền của ông Lê Văn C và bà Lê Thị D; có mặt.

+ Ủy ban nhân dân xã Trung Lập, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; trụ sở: Thôn Áng Dương, xã Trung Lập, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Chị Ngô Thị D là bị đơn.

- *Viện Kiểm sát kháng nghị:* Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo , thành phố Hải Phòng.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo tài liệu có trong hồ sơ và bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn V và chị Ngô Thị D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Lập, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng ngày 04 tháng 9 năm 2006 và chung sống ở nhà bố mẹ anh V là ông Lê Văn C và bà Lê Thị D. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không còn tin tưởng, thông cảm với nhau, mâu thuẫn đã được gia đình hòa giải, khuyên nhủ, nhưng không có kết quả, chị D đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ cùng xã, sinh sống từ tháng 11 năm 2017, vợ chồng sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai. Nay anh V thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ, nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo giải quyết cho anh V được ly hôn chị Ngô Thị D. Chị D đồng ý ly hôn.

2. Về con chung: Anh Lê Văn V và chị Ngô Thị D có 02 con chung là Lê Thị Hồng H, sinh ngày 15 tháng 5 năm 2008; Lê Hồng Ph, sinh ngày 29 tháng 12 năm 2010. Anh V đề nghị được nuôi con Lê Thị Hồng H, giao con Lê Hồng Ph cho chị Ngô Thị D nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con chung anh V và chị D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị D đồng ý với quan điểm về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con như anh V đã nêu.

3. Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác:

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp về ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của anh V, chị D yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung là ngôi nhà diện tích khoảng 80m<sup>2</sup>, công trình phụ nhà ngang có diện tích 30m<sup>2</sup>, xây trên diện tích đất ở

của bố mẹ đẻ anh V là ông Lê Văn C và bà Lê Thị D trị giá tài sản khoảng 460.000.000đ (bốn trăm sáu mươi triệu đồng), chị đề nghị được chia đôi giá trị tài sản trên đất, không yêu cầu chia giá trị quyền sử dụng đất vì diện tích đất là tài sản của ông Lê Văn C và bà Lê Thị D; chị Ngô Thị D đề nghị được nhận tài sản giá trị bằng tiền.

Về yêu cầu chia tài sản của chị Ngô Thị D, anh Lê Văn V có ý kiến như sau: Lời khai ngày 01 tháng 11 năm 2019, anh Lê Văn V xác định vợ chồng có đứng ra đóng gạch, vay mượn xây căn nhà chính có diện tích chiều ngang bằng 7,8m, chiều dài bằng 6,6m, ngôi nhà được xây dựng từ năm 2008, đến năm 2012 có tiền vợ chồng mới đổ mái, năm 2016 mới trát được nhà. Năm 2017 có xây 01 nhà ngang có diện tích chiều dài bằng 7,4m, chiều ngang bằng 3,5m; công trình phụ nhà vệ sinh có diện tích dài 2,7m, ngang 1,8m. Các lời khai sau anh Lê Văn V lại xác định những tài sản trên là của bố mẹ anh ông Lê Văn C, bà Lê Thị D, vợ chồng anh chỉ ở nhờ, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu chia tài sản của chị D đối với căn nhà chính có diện tích khoảng 60m<sup>2</sup>, chỉ chấp nhận chia tài sản là giá trị căn nhà ngang và công trình phụ phía sau.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Lê Văn V không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, công nợ. Tại phiên tòa ngày 19 tháng 6 năm 2020, anh Lê Văn V đề nghị giải quyết chia nợ chung của vợ chồng đối với khoản nợ anh Vũ Văn D không rõ năm sinh, địa chỉ cụ thể với số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng); nợ anh Lê Văn H số tiền 38.700.000đ (Ba mươi tám triệu bảy trăm nghìn đồng); nợ bà Vũ Thị Thư hai chỉ vàng 9999 và 2.000.000đ (Hai triệu đồng); đề nghị chia chiếc xe máy Vision mua năm 2017 trị giá 38.000.000đ (Ba mươi tám triệu đồng). Anh Lê Văn V đề nghị được chia đôi khoản nợ và giá trị chiếc xe máy.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn C, bà Lê Thị D thống nhất trình bày:* Căn nhà chính có diện tích khoảng 60m<sup>2</sup> là nhà do ông C, bà D bỏ tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) ra xây vào năm 2010 cho vợ chồng anh V, chị D ở nhờ, không phải là tài sản của vợ chồng anh V, chị D, nên ông C, bà D không đồng ý với yêu cầu chia căn nhà này của chị D mà đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của chị D; đối với nhà ngang và công trình phụ phía sau ông C bà D xác định đây là tài sản do anh V, chị D xây dựng đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã Trung Lập do ông Phạm Văn Đoàn đại diện trình bày:* Sau khi kiểm tra sổ sách, tài liệu địa chính lưu giữ trữ xã Trung Lập và thẩm định thực tế cùng với Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo thấy căn nhà chính của anh Lê Văn V, chị Ngô Thị D trực tiếp xây dựng và sử dụng. Căn nhà này có 01 phần diện tích (18,88m<sup>2</sup>) xây trên đất 5%, nuôi trồng thủy sản, thuộc sự quản lý của xã Trung Lập, đây là đất do ông C, bà D thuê

của Ủy ban nhân dân xã Trung Lập từ năm 2000 và hợp đồng thuê đất mới nhất ký lại số 338/HĐTD-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2017, thời hạn thuê 05 năm, hàng năm ông C, bà D nộp thuế sản lượng về xã Trung Lập; còn một phần diện tích của căn nhà 29,6m<sup>2</sup> xây trên phần ngõ đi riêng của ông Lê Văn C, bà Lê Thị D phần ngõ đi này chưa được hợp thức hóa vào đất ở của ông Lê Văn C, bà Lê Thị D; phần diện tích còn lại của căn nhà 3,12m<sup>2</sup> xây trên đất ở của ông C bà D. Đối với diện tích đất 5%, đất ngõ mà căn nhà anh V, chị D đã mô tả xây dựng ở trên từ năm 2015 đã quy hoạch là đất ở nông thôn, có thể giao, hợp thức hóa cho người dân sử dụng nhưng phải nộp 100% tiền thuế hợp thức hóa đất.

Kết quả định giá ngày 04 tháng 12 năm 2019 xác định được như sau: Diện tích đất xác định bằng 416m<sup>2</sup>, trị giá bằng 416.000.000 đồng; giá trị vật kiến trúc trị giá bằng 299.921.208 đồng, trong đó nhà số 01 có tổng diện tích bằng 51,6m<sup>2</sup> giá trị còn lại bằng 164.648.928 đồng, nhà ngang liền kề có diện tích bằng 32,7m<sup>2</sup> giá trị còn lại bằng 113.614.560 đồng, công trình phụ nhà vệ sinh phía sau có diện tích bằng 8,7m<sup>2</sup> giá trị còn lại bằng 21.657.720 đồng.

Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ tài sản ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo xác định được như sau: Căn nhà chính phía trên của anh Lê Văn V, chị Ngô Thị D sử dụng có tổng diện tích bằng 51,6 m<sup>2</sup>, trong đó có phần diện tích bằng 18,88m<sup>2</sup> xây trên đất 5%, nuôi trồng thủy sản, thuộc sự quản lý của Ủy ban nhân dân xã Trung Lập, có phần diện tích 29,6m<sup>2</sup> xây trên phần ngõ đi riêng của ông Lê Văn C, bà Lê Thị D chưa được hợp thức hóa đất, có phần diện tích 3,12m<sup>2</sup> xây trên đất ở của ông C bà D; còn lại các công trình nhà ngang liền kề có diện tích bằng 32,7m<sup>2</sup>, công trình phụ nhà vệ sinh phía sau có diện tích bằng 8,7m<sup>2</sup> đều xây dựng hoàn toàn trên đất ở của ông Lê Văn C, bà Lê Thị D đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

\* Với nội dung nêu trên tại Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2020/HNGĐ-ST ngày 19-6-2020 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; khoản 4 Điều 147, Điều 164, 165, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào quy định tại các điều 19, 33, 51, 53, 56, 57, 59 và Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 213, 219 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào quy định tại Điều 6; điểm a, b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Anh Lê Văn V được ly hôn chị Ngô Thị D;

2. Về con chung: Giao cho anh Lê Văn V được nuôi dưỡng con Lê Thị Hồng H, sinh ngày 15 tháng 5 năm 2008; chị Ngô Thị D được nuôi dưỡng con Lê Hồng Ph, sinh ngày 29 tháng 12 năm 2010 đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do anh V, chị D tự thỏa thuận giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Giao cho anh Lê Văn V được quyền quản lý sử dụng căn nhà chính có diện tích bằng 51,6 m<sup>2</sup>, trong đó có phần diện tích bằng 18,88m<sup>2</sup> xây trên đất 5%, nuôi trồng thủy sản, thuộc sự quản lý của xã Trung Lập, có phần diện tích 29,6m<sup>2</sup> xây trên phần ngõ đi riêng của ông Lê Văn C, bà Lê Thị D, có phần diện tích 3,12m<sup>2</sup> xây trên đất ở của ông C bà D; nhà ngang liền kề có diện tích bằng 32,7m<sup>2</sup>, công trình phụ nhà vệ sinh phía sau có diện tích bằng 8,7m<sup>2</sup>. Những tài sản này được xây dựng trên tổng diện tích đất 416m<sup>2</sup> thuộc sự quản lý của ông Lê Văn C, bà Lê Thị D.

Anh Lê Văn V phải có trách nhiệm thanh toán cho chị Ngô Thị D số tiền 149.960.604đ (Một trăm bốn mươi chín triệu chín trăm sáu mươi nghìn sáu trăm linh bốn đồng).

Không chấp nhận đề nghị xác định căn nhà có diện tích bằng 51,6 m<sup>2</sup>, trong đó có phần diện tích bằng 18,88m<sup>2</sup> xây trên đất 5%, nuôi trồng thủy sản, thuộc sự quản lý của xã Trung Lập, có phần diện tích 29,6m<sup>2</sup> xây trên phần ngõ đi riêng của ông Lê Văn C, Lê Thị D, có phần diện tích 3,12m<sup>2</sup> xây trên đất ở của ông Lê Văn C bà Lê Thị D là tài sản của ông Lê Văn C, bà Lê Thị D.

4. Về án phí: Anh Lê Văn V phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 7.498.030 đồng án phí chia tài sản sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0007865 ngày 26 tháng 9 năm 2019, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo, anh V còn phải nộp án phí 7.498.030đ. Chị Ngô Thị D phải nộp 7.498.030 đồng án phí chia tài sản sơ thẩm, chị D được khấu trừ vào số tiền 11.200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0007893 ngày 16 tháng 10 năm 2019, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo, chị D được trả lại số tiền 3.701.970 đồng. Ông Lê Văn C, bà Lê Thị D phải nộp 8.232.446 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

*\* Sau khi xét xử sơ thẩm:*

- Chị Ngô Thị D kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết phân chia tài sản cho chị được quyền sử dụng  $\frac{1}{2}$  căn nhà để mẹ con chị có chỗ ở, không đồng ý nhận thanh toán bằng tiền;

Ngày 13 tháng 7 năm 2020, chị Ngô Thị D có Đơn xin rút toàn bộ nội dung đơn kháng cáo.

- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng có Quyết định kháng nghị số 02/QĐKNPT-VKS-DS ngày 03 tháng 7 năm 2020 yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

*\* Tại phiên tòa:*

- Bị đơn là chị Ngô Thị D vẫn giữ nguyên quan điểm xin rút toàn bộ nội dung, yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng giữ nguyên Quyết định kháng nghị 02/QĐKNPT-VKS-DS ngày 03 tháng 7 năm 2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, cụ thể kháng nghị về các nội dung sau:

Thứ nhất: Bản án sơ thẩm quyết định chia tài sản chung khi ly hôn là tài sản nhà cùng các công trình phụ trên thửa đất cho anh V, chị D mỗi người được hưởng  $\frac{1}{2}$  và buộc anh V chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tài sản mà mình được hưởng theo quy định và tuyên buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vợ chồng ông Lê Văn C, bà Lê Thị D không có yêu cầu độc lập phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 8.232.446 đồng là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 147 BLTTDS và khoản 6 Điều 26, điểm b khoản 5, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Thứ hai: Mặc dù trước phiên tòa ngày 19-6-2020, anh V không đề nghị chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng nhưng tại phiên tòa anh V đề nghị giải quyết các khoản nợ chung và chiếc xe máy. Bản án sơ thẩm nhận định việc tại phiên tòa sơ thẩm, anh V đề nghị giải quyết nợ chung và chiếc xe máy là vượt quá yêu cầu khởi kiện và không nằm trong yêu cầu khởi kiện ban đầu của chị D là không có căn cứ, bởi lẽ chị D đã có yêu cầu chia tài sản chung là căn nhà, Tòa án không giải quyết các khoản nợ chung và chiếc xe máy sẽ khiến cho vụ án không được giải quyết triệt để, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của các đương sự và sẽ phải giải quyết thêm một vụ án về tranh chấp tài sản sau khi ly hôn.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm số 25/2020/HNGĐ-ST ngày 19/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo để giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm.

- Các đương sự giữ nguyên quan điểm như đã nêu tại phiên tòa sơ thẩm, anh V đồng ý với quyết định kháng nghị và yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết khoản nợ chung là tiền nợ mua xi măng, cát gạch để xây nhà và 01 xe máy hiện do chị D quản lý sử dụng.

Chị Ngô Thị D rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo và không chấp nhận quan điểm về việc yêu cầu chia các khoản nợ và chiếc xe máy như anh V đã nêu và yêu cầu anh V phải có tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự cũng đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận Quyết định kháng nghị như đã nêu trên. Đối với kháng cáo của bị đơn đã có đơn xin rút yêu cầu kháng cáo, vì vậy đề nghị đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu kháng cáo và giải quyết về án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ cũng như lời trình bày của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án Hôn nhân và Gia đình về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân.

- Về nội dung:

[2] Xét kháng cáo của chị Ngô Thị D:

Ngày 13-7-2020, chị Ngô Thị D có đơn xin rút đơn kháng cáo, xét việc rút đơn kháng cáo của chị Ngô Thị D là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo của chị Ngô Thị D.

[3] Xét kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng:

[3.1] Đối với kháng nghị về việc Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết các khoản nợ chung và chiếc xe máy Vision theo yêu cầu của nguyên đơn tại phiên tòa sơ thẩm:

Xét, quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm anh Lê Văn V chỉ yêu cầu xin ly hôn và giải quyết về con chung, không yêu cầu giải quyết về các khoản nợ chung và tài sản chung. Chỉ tại phiên tòa ngày 19 tháng 6 năm 2020, anh Lê Văn V có đơn đề nghị giải quyết chia một số khoản nợ mà anh cho rằng là nợ chung của vợ chồng và đề nghị chia chiếc xe máy Vision. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định các yêu cầu này vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu của anh Lê Văn V trong đơn khởi kiện và không nằm trong yêu cầu chia tài sản của chị Ngô Thị D, đối với các yêu cầu này các đương sự có thể đề nghị giải quyết ở một vụ án khác vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Các đương sự có quyền bổ sung yêu cầu khởi kiện của mình nhưng không vượt quá phạm vi ban đầu và phải tiến hành các thủ tục, trình tự theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận đề nghị bổ sung yêu cầu khởi kiện của anh V và không chấp nhận đề nghị tạm ngừng phiên tòa của Kiểm sát viên là có căn cứ. Vì vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo về việc Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết các khoản nợ chung và chiếc xe máy Vision theo yêu cầu của nguyên đơn tại phiên tòa sơ thẩm là vi phạm thủ tục tố tụng, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại.

[3.2] Đối với kháng nghị Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc ông Lê Văn C và bà Lê Thị D không có yêu cầu độc lập phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 8.232.446 đồng là không đúng theo quy định của pháp luật:

Xét, Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết và tuyên xử chia cho anh Nguyễn Văn Văn và chị Ngô Thị D mỗi người được hưởng 1/2 giá trị các tài sản xây dựng trên một phần đất ở của ông Lê Văn C, bà Lê Thị D và buộc anh V, chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản mà mình được chia theo quy định. Vợ chồng ông Lê Văn C và bà Lê Thị D là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng không có yêu cầu độc lập, không có nghĩa vụ về tài sản đối với anh V, chị D nhưng bản án sơ thẩm lại tuyên buộc ông C, bà D phải chịu 8.232.446 đồng án phí dân sự sơ thẩm là không đúng với quy định tại khoản 6 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông C, bà D, cần tuyên xử ông C, bà D không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.



Do vậy, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo kháng nghị là có căn cứ. Tuy nhiên sai sót này của cấp sơ thẩm Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm.

[4] Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 289, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu kháng cáo của chị Ngô Thị D, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo thành phố Hải Phòng, sửa một phần quyết định của Bản án sơ thẩm số 25/2020/HNGĐ-ST ngày 19-6-2020 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

[6] Về án phí: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Án phí dân sự sơ thẩm sẽ được tính lại khoản 6 Điều 26, điểm b, khoản 5 khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 148, điểm b khoản 1 Điều 289, khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 6 Điều 26, điểm b khoản 5, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của chị Ngô Thị D, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Sửa Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 25/2020/HNGĐ-ST ngày 19-6-2020 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Lê Văn V được ly hôn chị Ngô Thị D.

2. Về con chung: Giao cho anh Lê Văn V được nuôi dưỡng con chung tên là Lê Thị Hồng H, sinh ngày 15 tháng 5 năm 2008; chị Ngô Thị D được nuôi dưỡng con chung tên là Lê Hồng Ph, sinh ngày 29 tháng 12 năm 2010 đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi

con chung do anh V, chị D tự thỏa thuận giải quyết hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Giao cho anh Lê Văn V được quyền quản lý sử dụng căn nhà chính có diện tích bằng 51,6 m<sup>2</sup>, trong đó có phần diện tích bằng 18,88m<sup>2</sup> xây trên đất 5%, nuôi trồng thủy sản, thuộc sự quản lý của xã Trung Lập, có phần diện tích 29,6m<sup>2</sup> xây trên phần ngõ đi riêng của ông Lê Văn C, bà Lê Thị D, có phần diện tích 3,12m<sup>2</sup> xây trên đất ở của ông C bà D; nhà ngang liền kề có diện tích bằng 32,7m<sup>2</sup>, công trình phụ nhà vệ sinh phía sau có diện tích bằng 8,7m<sup>2</sup>. Những tài sản này được xây dựng trên tổng diện tích đất 416m<sup>2</sup> thuộc sự quản lý của ông Lê Văn C, bà Lê Thị D.

Anh Lê Văn V phải có trách nhiệm thanh toán cho chị Ngô Thị D số tiền 149.960.604đ (Một trăm bốn mươi chín triệu chín trăm sáu mươi nghìn sáu trăm linh bốn đồng).

Không chấp nhận đề nghị xác định căn nhà có diện tích bằng 51,6 m<sup>2</sup>, trong đó có phần diện tích bằng 18,88m<sup>2</sup> xây trên đất 5%, nuôi trồng thủy sản, thuộc sự quản lý của xã Trung Lập, có phần diện tích 29,6m<sup>2</sup> xây trên phần ngõ đi riêng của ông Lê Văn C, Lê Thị D, có phần diện tích 3,12m<sup>2</sup> xây trên đất ở của ông Lê Văn C bà Lê Thị D là tài sản của ông Lê Văn C, bà Lê Thị D.

#### 4. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Lê Văn V phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 7.498.030 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản, cộng là 7.798.030 đồng; đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0007865 ngày 26 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo; anh V còn phải nộp án phí 7.498.030đ (Bảy triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn ba mươi đồng).

Chị Ngô Thị D phải nộp 7.498.030 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản; đối trừ với số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp 11.200.000 đồng tại biên lai số 0007893 ngày 16 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo; chị D được trả lại số tiền 3.701.970đ (Ba triệu bảy trăm linh một nghìn chín trăm bảy mươi đồng).

Ông Lê Văn C, bà Lê Thị D không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND huyện Vĩnh Bảo;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Bảo, TP Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trần Thị Vân Thúy**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lương Ngọc Dũng Phạm Thị Thanh Bình**

**Trần Thị Vân Thúy**



